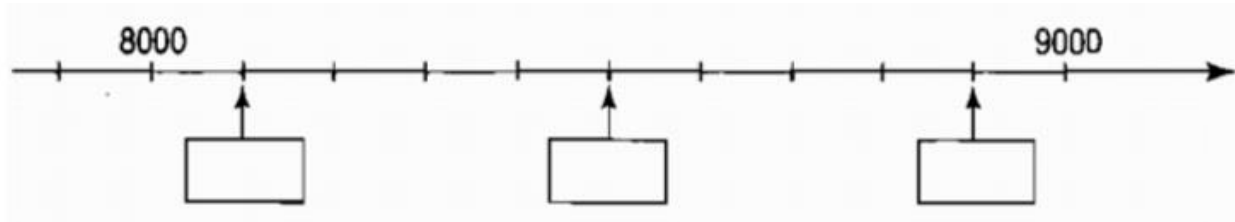
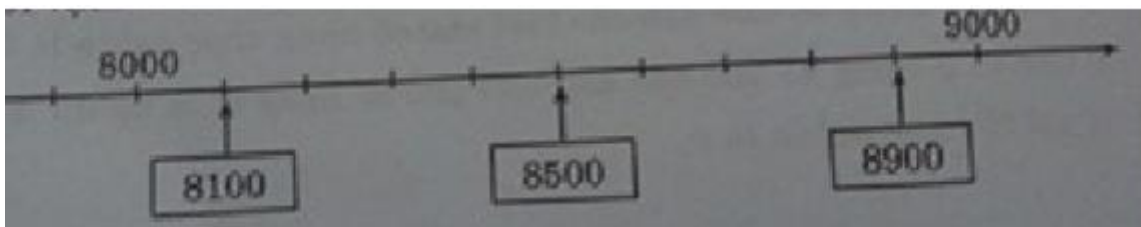


Giải bài 1 trang 19 VBT Toán lớp 4 Tập 1

Hình vẽ dưới đây là một phần của tia số. Viết số vào ô trống ứng với vạch có mũi tên.



Lời giải:

**Giải bài 2 trang 19 VBT Toán lớp 4 Tập 1**

Cho 3 chữ số :

6

1

3

Dùng cả ba chữ số 6 ; 1 ; 3 để viết một số bé hơn 140

--

--

--

Lời giải:

Dùng cả ba chữ số 6 ; 1 ; 3 để viết một số bé hơn 140

--

--

--

Giải bài 3 trang 19 VBT Toán lớp 4 Tập 1

Viết chữ số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $471..... < 4711$ b) $6.....524 > 68\ 524$

c) $25\,367 > \dots\dots\dots 5\,367$ d) $282\,828 < 282\,82\dots\dots\dots$

Lời giải:

a) $471\,0 < 4711$ b) $6\,9\,524 > 68\,524$

c) $25\,367 > 1\,5\,367$ d) $282\,828 < 282\,82\,9$

Giải bài 4 trang 19 VBT Toán lớp 4 Tập 1

a) Tìm số tự nhiên x , biết: $x < 3$

b) Tìm số tự nhiên x , biết x là số tròn chục và $28 < x < 48$

Lời giải:

Tìm số tự nhiên x , biết: $x < 3$

Các số bé hơn 3 là : 0 ; 1 ; 2. Vậy x là : 0 ; 1 ; 2.

b) Tìm số tự nhiên x , biết x là số tròn chục và $28 < x < 48$

Các số tròn chục mà lại nằm trong khoảng ($28 < x < 48$) là : 30 ; 40 . Vậy x là 30 ; 40.